

Bảng điểm | FPT Polytechnic

#	Kỳ thứ	Học kỳ	Môn	Mã môn	Mã chuyển đổi	Số tín chỉ	Điểm	Trạng thái
1	1	Summer 2022	Tin học	COM1071	COM107	3	9.8	Passed
2	1	Summer 2022	Nhập môn lập trình	COM108	COM108	3	8.2	Passed
4	1	Summer 2022	Tiếng Anh 1.1	ENT1126	ENT111	3	9.7	Passed
20	1	Summer 2022	Tin học cơ sở	COM1014	COM101	3	9.7	Passed
24	1	Summer 2022	Kỹ năng học tập	SKI1014	SKI101	3	8.9	Passed
29	1	Spring 2023	Giáo dục thể chất - Vovinam	VIE103	VIE103	0	8.6	Passed
30	1		Giáo dục quốc phòng	VIE104	VIE104	0	*	Is Exempt
3	2	Fall 2022	Cơ sở dữ liệu	COM2012	COM201	3	9.5	Passed
5	2	Fall 2022	Tiếng Anh 1.2	ENT1225	ENT121	3	9.7	Passed
8	2	Fall 2022	Lập trình Java 1	MOB1014	MOB101	3	10.0	Passed
31	2	Fall 2022	Xây dựng trang Web	WEB1013	WEB101	3	9.6	Passed
32	2	Fall 2022	Lập trình cơ sở với JavaScript	WEB1043	WEB104	3	9.3	Passed
6	3	Spring 2023	Tiếng Anh 2.1	ENT2125	ENT211	3	9.5	Passed
9	3	Spring 2023	Lập trình Java 2	MOB1023	MOB102	3	8.8	Passed
10	3	Spring 2023	Lập trình Android cơ bản	MOB1032	MOB103	3	7.8	Passed
13	3	Spring 2023	Thiết kế giao diện trên Android	MOB202	MOB202	3	8.0	Passed
33	3	Spring 2023	Thiết kế Web với HTML5&CSS3	WEB3023	WEB302	3	9.0	Passed
7	4	Summer 2023	Tiếng Anh 2.2	ENT2225	ENT221	3	8.6	Passed
12	4	Summer 2023	Lập trình Android nâng cao	MOB201	MOB201	3	8.6	Passed
14	4	Summer 2023	Dự án mẫu (LTMT)	MOB2041	MOB204	3	10.0	Passed
21	4	Summer 2023	Dự án 1 (LTMT)	PRO1121	PRO112	3	8.1	Passed
15	5	Fall 2023	Lập trình game 2D	MOB305	MOB305	3	7.4	Passed
16	5	Fall 2023	Lập trình Mobile đa nền tảng	MOB306	MOB306	3	9.1	Passed
17	5	Fall 2023	Lập trình game 2D nâng cao	MOB401	MOB401	3	8.9	Passed
18	5	Fall 2023	Lập trình server cho Android	MOB402	MOB402	3	9.3	Passed
27	5	Summer 2023	Chính trị	VIE1016	VIE101	4	9.8	Passed
28	5	Summer 2023	Pháp luật	VIE1026	VIE102	2	8.2	Passed
11	6	Spring 2024	Quản lý dự án với phần mềm Agile	MOB104	MOB104	3	0.0	Studying
19	6		Android Networking	MOB403	MOB403	3	0.0	Not

#	Kỳ thứ	Học kỳ	Môn	Mã môn	Mã chuyển đổi	Số tín chỉ	Điểm	Trạng thái
								started
25	6	Spring 2024	Phát triển cá nhân 2 (Học phần tự chọn Thay thế môn: SKI2015 - Kỹ năng làm việc)	PDP201	PDP201	3	0.0	Studying
26	6		Khởi sự doanh nghiệp	SYB3011	SYB301	3	0.0	Not started
22	7		Thực tập tốt nghiệp (LTMT)	PRO118	PRO118	5	0.0	Not started
23	7		Dự án tốt nghiệp (LTMT-Mobile)	PRO2052	PRO205	5	0.0	Not started